

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày: 14-5-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đời

Ông Nguyễn Kim Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V** ; địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72 phố T, phường T, quận H, TP. Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V là ông **Lê Hiền T** - Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và Phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khôi tín dụng tiêu dùng Ngân hàng TMCP V - theo văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông **Đinh Vũ L**, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 353 Nguyễn Tri P, quận H, TP Đà Nẵng - theo văn bản ủy quyền số 12/2018/UQ-GĐK-TDĐT ngày 26/4/2018. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Nhật L**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 6A (cũ) nay là tổ 48 mới, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12/01/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Vũ L trình bày:*

Ngày 18/5/2015, bà Lê Thị Nhật L có ký hợp đồng tín dụng số 20150518-142004-0001 với Ngân hàng TMCP V vay số tiền 67.855.832 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi hai đồng*) với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà Lê Thị Nhật L có trách nhiệm thanh toán số tiền là 110.483.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 3.070.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.033.000 đồng. Thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 20/6/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà L nhận đủ số tiền và thanh toán được 14 lần với tổng số tiền đã trả là 21.490.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.341.370 đồng và nợ lãi 13.148.630 đồng). Kể từ ngày 03/3/2016 đến nay, bà L không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Nhật L trả một lần gồm gốc và lãi tính đến ngày 03/3/2016 là: 88.993.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 59.514.462 đồng và nợ lãi là 29.478.538 đồng, không yêu cầu lãi phát sinh tiếp theo.

**** Bị đơn bà Lê Thị Nhật L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà L trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Lê Thị Nhật L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

- Bà Lê Thị Nhật L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20150518-142004-0001 ngày 18/5/2015, có nội dung:

Ngân hàng TMCP V cho bà Lê Thị Nhật L vay số tiền 67.855.832 đồng với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà Lê Thị Nhật L có trách nhiệm thanh toán số tiền là 110.483.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 3.070.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.033.000 đồng. Thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 20/6/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà L nhận đủ số tiền và thanh toán được 14 lần với tổng số tiền đã trả là 21.490.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.341.370 đồng và nợ lãi 13.148.630 đồng). Kể từ ngày 03/3/2016 đến nay, bà L không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng V yêu cầu bà Lê Thị Nhật L trả một lần gồm gốc và lãi tính đến ngày 03/3/2016 là: 88.993.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 59.514.462 đồng và nợ lãi là 29.478.538 đồng, không yêu cầu lãi phát sinh tiếp theo.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 20150518-142004-0001 ngày 18/5/2015, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với bà Lê Thị Nhật L trên

cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Nhật L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu bà L trả nợ nhưng đến nay bà L vẫn không trả được nợ. HĐXX xét thấy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471 và 474 của BLDS 2005 nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Nhật L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Lê Thị Nhật L phải chịu là: $(88.993.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.449.650 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP V đối với bà Lê Thị Nhật L.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Nhật L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 88.993.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 59.514.462 đồng và nợ lãi: 29.478.538 đồng tính đến ngày 03/3/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 4.449.650 đồng bà Lê Thị Nhật L phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.224.825 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8484 ngày 15/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Đông Thanh

